

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 08 - 01 - 2025

“*V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thu Hiền

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Tất Thê; ông Bùi Văn Hồng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thái Thành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2025 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 162/2024/TLST - HNGĐ, ngày 07 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 168/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 87/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị B, sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn A, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh C, sinh năm 1982; Nơi đăng ký thường trú: Thôn A, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang sinh sống và lao động tại Hàn Quốc. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có tại hồ sơ vụ án chị Bùi Thị B trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị B và anh Nguyễn Thanh C đăng ký kết hôn ngày 05/7/2006 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Hôn nhân được hình thành trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng vì điều kiện kinh tế khó khăn nên anh C đi lao động tại Hàn Quốc. Lúc này vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, mỗi người ở một nơi nên không có điều kiện quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Hiện tại hai vợ chồng không còn liên lạc với nhau, chị B xác định không còn tình cảm với anh

C nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 10/9/2009 và Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 06/11/2013. Hiện đang sống cùng với ông nội. Khi ly hôn, chị B đồng ý giao các con chung cho anh C được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian anh C chưa về nước thì chị B đồng ý để ông nội là Nguyễn Văn H chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung thay anh C cho đến khi anh C về Việt Nam, chị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về con riêng: Chị Bùi Thị B có một con riêng sinh ngày 27/8/2023 (theo giấy chứng sinh số 0230795 của bệnh viện H1, hiện nay chưa làm thủ tục đăng ký khai sinh). Chị B xác định đây là con riêng của chị B, không phải con chung giữa chị B và anh C nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản ghi nhận sự việc thông qua việc gọi điện (ghi âm, ghi hình) qua tài khoản mạng xã hội với anh C do người thân cung cấp, có sự chứng kiến của ông Nguyễn Văn H (bố đẻ của anh C), nội dung anh trình bày như sau:*

Về thời điểm, điều kiện kết hôn, quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn vợ chồng như chị B khai là đúng. Vợ chồng sống mỗi người một nơi, không có điều kiện để quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không còn có tiếng nói chung. Anh Chương cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, nay chị B yêu cầu ly hôn thì anh C đồng ý ly hôn. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 10/9/2009 và Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 06/11/2013. Hiện đang sống cùng với ông nội. Khi ly hôn, anh C yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung, chị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Trong thời gian anh C đang lao động ở nước ngoài, anh đồng ý để bố đẻ là ông Nguyễn Văn H chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung thay anh cho đến khi anh C về Việt Nam; Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh Nguyễn Thanh C cho biết hiện nay anh đang lao động tại Hàn Quốc, anh không cung cấp địa chỉ cụ thể của anh tại Hàn Quốc và do tính chất công việc đi lại khó khăn nên anh không thể về Việt Nam để giải quyết vụ án. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh và ủy quyền việc giao nhận tài liệu cho ông Nguyễn Văn H (bố đẻ anh C), địa chỉ: Thôn A, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau đã đề nghị Tòa án áp dụng Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83, 123, 127 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 10, điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội tuyên xử:

- Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị B và anh Nguyễn Thanh C.
- Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung là Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 10/9/2009 và Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 06/11/2013. Vợ chồng thống nhất giao các con chung cho anh C được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành là phù hợp với nguyện vọng của con chung, chị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Trong thời gian anh C chưa về nước tạm giao các con chung Nguyễn Thị Trà M và Nguyễn Thị Hồng N cho ông nội là ông Nguyễn Văn H chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh C về Việt Nam.
- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.
- Về án phí: Ghi nhận việc chị Bùi Thị B tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm.
  - Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Thanh C đang sống và làm việc tại Hàn Quốc, không có địa chỉ cụ thể. Tuy nhiên Tòa án đã thông qua gia đình để thu thập đầy đủ ý kiến anh C đối với việc giải quyết ly hôn. Theo công văn số 1088/QLXNC-Đ1 ngày 25/10/2024 của Phòng Quản lý Xuất nhập cảnh Công An tỉnh H thì anh Nguyễn Thanh C đã xuất cảnh lần cuối ngày 31/01/2020, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã thụ lý vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung là đúng theo quy định tại Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự và hướng dẫn tại Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Do điều kiện công việc nên anh C đề nghị được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và các tài liệu liên quan đến vụ án đề nghị Tòa án gửi về cho bố đẻ là ông Nguyễn Văn H để giao nhận các tài liệu liên quan đến vụ án. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt chị B và anh C theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị B và anh Nguyễn Thanh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 05/7/2006 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh C là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, do điều kiện hoàn cảnh kinh tế gia đình nên anh C đi lao động tại Hàn Quốc. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc được một thời gian ngắn thì

bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trở nên trầm trọng hơn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, mỗi người ở một nơi không ai quan tâm đến nhau, không có tiếng nói chung nên tình cảm vợ chồng trở nên xa cách. Chị B xác định không còn tình cảm với anh C, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài nên mong muốn được ly hôn. Anh Chương cũng thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn nên chị B xin ly hôn thì anh đồng ý.

Xét thấy, mục đích hôn nhân là xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, tiến bộ, vợ chồng phải tôn trọng, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nhưng cuộc hôn nhân giữa chị B và anh C không đạt được mục đích đó, mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng. Hiện tại, các đương sự đều tự nhận thấy không còn tình cảm với nhau và không mong muốn tiếp tục duy trì mối quan hệ vợ chồng nên đồng thuận ly hôn. Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, đúng pháp luật. Vợ chồng sống mỗi người một nơi không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, 55 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị B.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 10/9/2009 và Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 06/11/2013, hiện đang sống cùng với ông nội. Chị B và anh C đều thống nhất giao các con chung cho anh C được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy, cần chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật, với nguyện vọng của con chung và điều kiện hoàn cảnh của mỗi bên. Chị B và anh C được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Trong thời gian anh C đang lao động ở nước ngoài, chị B và anh C thống nhất để ông Nguyễn Văn H (bố đẻ anh C) chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung thay anh C cho đến khi anh về Việt Nam.

[2.3] Về con riêng: Chị Bùi Thị B có một con riêng sinh ngày 27/8/2023 (theo giấy chứng sinh số 0230795 của bệnh viện H1, hiện nay chưa làm thủ tục đăng ký khai sinh). Chị B xác định đây là con riêng của chị B, không phải con chung giữa chị và anh C. Anh Chương cũng xác định không phải con chung giữa anh và chị B. Chị B và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Ghi nhận nguyên đơn tự nguyện chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83, 123, 127 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; Điều 39; Điều 464, 469, 474, 475, 479; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị B và anh Nguyễn Thanh C .

2. Về con chung: Giao các con chung Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 10/9/2009 và Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 06/11/2013 cho anh Nguyễn Thanh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi, chị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Bùi Thị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Trong thời gian anh Nguyễn Thanh C ở nước ngoài, giao các con chung cho bố đẻ của anh C là ông Nguyễn Văn H chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh C về Việt Nam.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị B tự nguyện nộp 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị B đã nộp tại biên lai số 0000061 ngày 04/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh. Trả lại cho chị Bùi Thị B 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí còn dư.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã Xuân Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Trần Thị Thu Hiền**